

Số: 1167/2026/QĐST-HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1440/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Võ Hải Đ, sinh ngày 18/12/2002; CCCD: 079202028349; Địa chỉ: 133/1 N, ấp G, xã C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 14/6/2004; CCCD: 091304007661; Địa chỉ: 2 Kp L, xã K, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 27/12/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã C), TP. Hồ Chí Minh cấp thì bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Võ Hải Đ là vợ chồng hợp pháp. Ông Đ có nơi cư trú tại xã C, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn năm 2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Bà T và ông Đ xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày 08/3/2023. Các bên thỏa thuận giao trẻ Khoa cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng mỗi

tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2026. Thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà T và ông Đ phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Võ Hải Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày 08/3/2023.

+ Ông Đ có trách nhiệm giao trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2026.

+ Bà T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông Đ đến thăm con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T và ông Đ phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0034660 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM (Khu vực 8);
- UBND xã Củ Chi, TP.HCM
(GCNKH số 259 ngày 27/12/2022
của UBND xã Tân Phú Trung, huyện
Củ Chi, TP.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

Võ Phước Lý